

# TÌM HIỂU CÁC TÔN GIÁO CHÍNH Ở HÀN QUỐC

PHẠM HỒNG THÁI\*

**G**ống như Việt Nam và nhiều quốc gia Đông Á khác, Hàn Quốc là một nước có nhiều tôn giáo, hơn thế nữa, các tôn ở Hàn Quốc về cơ bản cùng tồn tại bên nhau một cách hoà bình và góp phần quan trọng vào việc tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Góp phần tìm hiểu diện mạo tôn giáo Hàn Quốc, bài viết này đề cập một cách khái lược đến các tôn giáo chính ở Hàn Quốc hiện nay mà trước hết là Shaman giáo, Phật giáo và Kitô giáo.

## Shaman giáo

Shaman giáo, còn gọi là Musokyo, được coi là ảnh hưởng vào Bán đảo Triều Tiên từ những cư dân Altaic thời tiền sử. Mặc dù vậy, những nghi lễ của Shaman giáo đã được người Hàn rèn giũa và phát triển trong suốt quá trình lịch sử của họ nên nó có những đặc trưng riêng. Theo tín ngưỡng Shaman giáo Hàn Quốc, ngoài cuộc sống hiện hữu mà con người có thể cảm nhận được bằng giác quan còn có hàng ngàn vạn những tồn tại siêu nhiên: những thánh thần, ma quỷ chi phối cuộc sống của họ. Con người cần phải thực hiện những nghi lễ thể hiện lòng tôn kính và đoán biết được ý nguyện của quỷ thần, an ủi chúng để được nhiều tài lộc hay xua đuổi chúng để được sống bình an. Để giao tiếp được với những thế lực siêu nhiên này thì cần phải có những người có khả năng đặc biệt - những người chuyên hành nghề Shaman. Những người hành nghề Shaman ở Hàn Quốc được chia làm ba loại khác nhau là *pháp sư*, *thầy tế* và *thầy bói*.

*Pháp sư* là những người có khả năng đặc biệt, có thể giao tiếp được với thế giới thần linh, ma quỷ; có thể mời gọi những lực lượng này đến hoặc xua đuổi chúng đi. *Pháp sư* có hai loại, phần lớn là pháp sư nữ, được gọi là *mudang* và pháp sư nam được gọi là *paksu*. Những tên gọi này hoàn toàn là ngôn ngữ Hàn Quốc chứ không phải những thuật ngữ du nhập từ bên ngoài. Điều này chứng tỏ tín ngưỡng Shaman đã mang tính bản địa rất sâu sắc. *Mudang* cũng được chia làm hai loại: *mudang hiện hồn*, tức là những người tự có khả năng đặc biệt, chẳng hạn có thể hiểu được ý nguyện của linh hồn tổ tiên và *mudang thừa kế*, tức là những *mudang* do thừa kế vị trí của người mẹ mà có.

*Thầy tế*, hay *chegwan* là những người được chọn để đảm nhiệm chức năng tế lễ trong một dịp lễ của một làng nào đó. Những người được chọn ra buộc phải thực hiện những quy tắc kiêng kỵ nhất định để có được sự thanh tịnh cho đến hết kỳ lễ. Những nghi lễ của thầy tế mang nhiều yếu tố có liên hệ chặt chẽ với nghi lễ của các thị tộc ở Siberia, hơn thế nữa, do kết quả của quá trình hỗn dung văn hoá mà nó cũng mang nhiều yếu tố Khổng giáo.

Trong tín ngưỡng Shaman Hàn Quốc có nhiều loại *thầy bói*. Đặc điểm hành nghề của những người này có khá nhiều nét giống với những người hành nghề tương tự ở Việt Nam. *Chomjaengi* là một loại thầy chuyên bói phán đoán vận rủi, may. *Chigwan* là thầy xem đất cát hay thầy địa lý. *Ilgwan* là thầy chọn ngày tốt xấu. *Kwasang* là người

\* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

chuyên xem tướng mặt. *Susang* lại là người chuyên xem về tiền vận hậu vận của một người bằng cách dựa trên đường nét vân tay. Thày địa lí chuyên bói để tìm chỗ tốt cho việc xây cất nhà cửa và an táng. Người ta tin rằng địa thế của mảnh đất có ảnh hưởng đến sự giàu có của những ai sử dụng chúng. Môn phong thủy địa lý, hay *p'ungsu chiri* là một nghệ thuật tìm ra những vị trí đắc địa. Thày *ilgwan* thường sử dụng sách để tìm ra ngày thích hợp thực hiện một công việc gì đó, ví dụ ngày để làm đám cưới, ăn hỏi, ngày dựng nhà, ngày xuất hành... Những người bói vận may rủi có liên quan đến những hiểu biết về tiền vận và hậu vận của một người thông qua những thông số như ngày giờ sinh theo lịch âm. Phải chăng sự giống nhau trong thuật bói toán như vậy trong tín ngưỡng ở Hàn Quốc và Việt Nam là do chúng đều có nguồn gốc từ Trung Quốc mà từ xa xưa đã ảnh hưởng vào văn hóa hai nước.

Thế giới thần linh trong Shaman giáo Hàn Quốc quả là vô cùng phong phú, người ta tôn thờ từ những đấng siêu nhiên tối cao như ông trời cho đến các linh hồn chum vại, bát đĩa... Có thể chia vô số thần linh này làm 6 loại khác nhau: *Thần tối cao, thần không gian, thần đất, thần nước, linh hồn tổ tiên và các linh hồn khác.*

Từ xa xưa, người Hàn đã tôn thờ một vị *thần tối cao* được coi là ở trên trời. Vị thần này giống như quan niệm về ông trời trong tín ngưỡng dân gian của người Việt và được người Hàn gọi bằng những cái tên như *Hanaim, Hanallim, Hanūnim, hay Hanūlim* - kẻ thống trị bầu trời. Vị thần này có vai trò chi phối diễn biến của mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ cũng như cuộc sống của mỗi người, là nguyên nhân không nhìn thấy và tối thượng của mọi sự vật, hiện tượng.

Có vị trí sau thần tối cao là thần *Obang changgun, hay Ngũ phương tướng quân*. Đây chính là các vị thần thủ lĩnh của năm hướng trong không gian: bắc, nam, đông, tây và vị trí trung tâm. Tín ngưỡng này mặc dù cũng thấy có ở Trung Quốc và Việt Nam nhưng của người Hàn Quốc mang nhiều sắc thái tín ngưỡng của vùng Trung Á và Siberia. Mỗi hướng được quy định một màu nhất định riêng biệt. *Ch'ongje changgun* (Thanh đế tướng quân) được coi là vị tướng tượng trưng bằng màu xanh da trời thống trị phía đông; *Paekche changgun* (Bạch đế tướng quân), tướng màu trắng thống trị phía tây; *Chōkche changgun* (Xích đế tướng quân) tướng màu đỏ thống trị phía bắc. *Hūkche changgun* (Hắc đế tướng quân), tướng màu đen thống trị phía Nam và *Hwangje changgun* (Hoàng đế tướng quân), tướng màu vàng thống trị ở trung tâm. Có vị trí thấp hơn *Obangchangun* là vô số các vị *Sinjang* (Thần tướng) được coi như quan hầu cận của các vị thần tướng.

Từ xa xưa, người Hàn vốn có truyền thống canh tác lúa nước có phần giống với người Việt. Đối với nhà nông thì đất và nước vốn là hai yếu tố quan trọng bậc nhất quyết định đến kết quả mùa màng nên chúng được người Hàn tôn thờ rất phổ biến. Trong số các vị thần đất thì *San-sin* (Sơn thần) là vị thần quan trọng nhất. Vị thần này có chức năng làm cho mùa màng bội thu. Xưa kia người nông dân thường dâng khẩu phần ăn trưa cho vị thần này. Tín ngưỡng này ngày nay không còn phổ biến nữa. Ngoài *San-sin* thì thần đất còn có *Changsung* và *Songju*. *Changsung* là vị thần bảo hộ thôn làng, thường được thể hiện bằng hai cột bằng gỗ, đôi khi bằng đá tạc thô sơ hình người đàn ông và đàn bà dựng trước cổng làng được gọi là *Ch'onha*

*tae changgun* (Thiên hạ đại tướng quân) và *Chiha tae changgun* (Địa hạ đại tướng quân). Trong gia đình người ta cũng tôn thờ rất nhiều vị thần được coi là bảo hộ cuộc sống của gia đình, trong số đó có vị trí cao nhất là *Songju* (Thánh chủ).

Có rất nhiều loại thần nước, tất cả các vị thần này đều được liên tưởng tới hình tượng con rồng, gọi là *Long thần*. Người ta cho rằng *Long thần* thường sống trong những con suối, sông, trên biển và trên trời - nơi chúng có thể kiểm soát các trận mưa. Vị *Long thần* vĩ đại nhất được gọi là *Long vương*, hay vua của biển - vị thần thống trị biển khơi. Có rất nhiều truyền thuyết của người Hàn nói về *Long vương* và liên hệ của *Long vương* với thế giới loài người.

Giống như người Việt Nam, người Hàn Quốc quan niệm rằng tổ tiên tuy đã khuất nhưng linh hồn vẫn tồn tại và hàng ngày dõi theo cuộc sống của con cháu. Chính vì vậy nên tổ tiên cần được thờ cúng chu đáo để không chỉ thể hiện sự tôn kính những người đã khuất mà còn là ước mong được người đã khuất che chở trong cuộc sống thường ngày. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Hàn Quốc ngày nay tuy mang nhiều yếu tố Khổng giáo, song các học giả Hàn Quốc lại cho rằng, về nguồn gốc thì tín ngưỡng này là vốn có của những cư dân nơi đây, Khổng giáo chỉ đóng vai trò hệ thống chúng lại mà thôi. Điều này thật đáng chú ý bởi nhiều nhà nghiên cứu Nhật Bản và Việt Nam cũng có quan điểm như vậy về truyền thống thờ cúng tổ tiên của nước mình.

Thấp hơn các vị thần vừa kể trên là một loạt các vị thần, ma, quỷ... tạo thành một thế giới thấp nhất trong trật tự thế giới thần linh theo quan niệm của người Hàn Quốc. Một số trong các vị thần đó được coi là rất nhân từ

như thần bếp, thần cai quản hũ thóc gạo... Trái lại, có một số vị thần tai ác, mang lòng thù nghịch với con người, chuyên đem lại điều rủi ro như ốm đau, tai nạn, làm đổ vỡ đồ đạc trong nhà.... Những thần linh này được coi là hồn ma của những người chết trẻ, chết đuối, những con gái chết mà chưa lấy được chồng.

Trong hệ thống nghi lễ của Shaman giáo Hàn Quốc đáng chú ý nhất là những nghi lễ thôn làng được chia ra làm hai loại chủ yếu: nghi lễ cộng đồng và nghi lễ gia đình. Trong mỗi loại nghi lễ đó có sự đan xen những đặc tính của nghi lễ Khổng giáo và nghi lễ Shaman giáo. Hai loại nghi lễ này được xem như là những phần của một chỉnh thể nghi lễ hài hoà chứ không phải như những phần tách rời. Nghi lễ Khổng giáo nhấn mạnh đến yếu tố huyết thống, còn nghi lễ Shaman giáo lại phù hợp với tín ngưỡng đa thần trong những không gian bất quy tắc.

*Nghi lễ gia đình* gồm những nghi lễ thờ cúng ông bà tổ tiên theo nghi thức Khổng giáo. Nghi thức Shaman giáo có lễ *sanogut* và *ogut*. Những nghi lễ này được thực hiện đáp ứng theo đòi hỏi của gia đình, ví dụ như trong dịp đám tang hoặc lễ mừng tuổi trung niên. Lễ *sanogut* tiến hành khi người còn đang sống còn lễ *ogut* giành cho người chết.

*Nghi lễ cộng đồng* còn gọi là *tong-ji* là nghi lễ theo kiểu Khổng giáo được tiến hành hai hoặc bốn lần trong một năm. Một hội đồng gồm những người già trong làng, gọi là *chegwan* được chọn ra để tiến hành nghi lễ. Nơi hành lễ được cấm kị và được đánh dấu bằng một mái che. Người ta còn đổ cát xung quanh để đánh dấu nơi linh thiêng. Nghi lễ được dành cho tổ tiên của làng và tiến hành rất đơn giản. Người ta dâng cơm, cháo, rượu, hoa quả và bánh trôi cầu nguyện và đốt giấy

số, nếu ngọn lửa cháy sáng thì được coi là thân linh đã chứng giám và mọi điều may mắn.

Ngoài những nghi lễ kể trên còn có những nghi lễ khác như:

*Nghi lễ chữa bệnh:* Nghi lễ Shaman dùng để chữa bệnh thường là bệnh tâm thần. Nghi lễ này được gọi là *pyông-gut*, rất phổ biến trong các nghi lễ Shaman.

*Nghi lễ cầu nguyện:* Có nhiều loại dành cho những vị thần khác nhau. Nghi lễ *yongsin-gut* cầu xin *Long thần*, thường để cầu mong có mưa, cầu mong các thương thuyền và ngư thuyền được bảo vệ.

*Tang lễ được chia làm 3 loại.* Loại 1 là nghi lễ được tiến hành từ khi người chết đến lúc chôn cất nhằm mục đích thể hiện sự từ biệt của người quá cố đối với các thành viên trong gia đình. Loại 2 là nghi lễ tiến hành sau khi chôn cất nhằm cho người quá cố nhanh chóng trở về thế giới bên kia được siêu thoát. Loại 3 là nghi lễ tiến hành một tháng hoặc tháng rưỡi sau khi chết nhằm để người chết có được quan hệ tốt đẹp với nhân vật quan trọng của thế giới bên kia và phù hộ tốt cho con cháu trong gia đình.

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, nhiều học giả đã cho rằng Shaman giáo là chìa khóa duy nhất để lí giải văn hóa truyền thống của Hàn Quốc. Một số thì quả quyết rằng tất cả các tôn giáo mới tại Hàn Quốc đều bắt rễ từ Shaman giáo. Một số khác thì cho rằng Shaman giáo đã tạo nên tính thống nhất của tôn giáo của người Hàn Quốc từ thời cổ đại. Tuy nhiên, cũng có những người cho rằng Shaman giáo là thứ tín ngưỡng hồ lớn và đã trở nên lạc hậu với thời đại hiện nay. Dù ý kiến có khác nhau, nhưng người ta đều không thể phủ nhận được rằng Shaman giáo đã là một phần của văn hóa Hàn Quốc,

chính vì vậy mà các học giả Hàn Quốc cho rằng họ phải có nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu nó một cách thận trọng để đảm bảo sự hài hòa giữa những khát vọng lí trí và mong ước của những người bình dân.

### *Phật giáo*

Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống của người Hàn Quốc. Với khoảng 12 đến 15 triệu tín đồ, Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất ở Hàn Quốc ngày nay.

Phật giáo được truyền bá vào Bán đảo Triều Tiên từ thế kỷ thứ IV sau công nguyên thông qua các nhà sư người Ấn Độ, Tibet, Trung Quốc. Những tài liệu cổ cho biết, vào năm 372 nhà sư *Sundo* từ nước Tân thuộc vùng đông bắc Trung Quốc đã tới Koguryo giảng kinh Phật. Mười hai năm sau, sư *Malananda* từ nước Đông Tấn ở lưu vực sông Dương Tử đã đưa Phật giáo tới Paekche. Tại Silla, khoảng thế kỷ thứ V, nhà sư *Ado* từ Koguryo đã đến truyền bá Phật giáo nhưng bị thất bại do gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ của dân địa phương. Khoảng 100 năm sau Phật giáo được truyền vào Silla thông qua một sứ giả đồng thời cũng là một nhà sư của nước Lương ở phía nam Trung Quốc tên là *Wonpyo* từ đưa vào<sup>(1)</sup>. Lúc đầu Phật giáo bị chính những người đứng đầu hoàng gia Shilla ngăn cản và bị sự chống đối của giới quý tộc. Nhưng đến khoảng năm 535 đạo Phật đã chính thức được công nhận ở Silla. Như vậy đạo Phật đã được chấp nhận ở cả ba quốc gia, và ở mức độ nhất định đều được coi là thích ứng với nhu cầu của một đất nước do một vị vua đứng đầu. Đạo Phật còn là phương tiện để tìm hạnh phúc cá nhân và cầu mong sự yên bình. Tại ba vương quốc

<sup>(1)</sup> Ki-bai Lee, Lịch sử Hàn Quốc tân biên, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.81.

Phật giáo đều có quan hệ chặt chẽ với nhà nước. Các học thuyết của đạo Phật ngoài ý nghĩa tôn giáo còn có ý nghĩa chính trị trong đó sự thống nhất lòng tin và kỷ luật có thể phục vụ cho lợi ích quốc gia. Nhà nước Shilla phong các chức sắc cho các vị thầy tu đứng đầu các chùa chính thuộc các huyện, tỉnh và ở quy mô quốc gia, những người này có trách nhiệm điều hành công việc tôn giáo và tầng lớp sư sãi trong nước. Tại Paekche và Koguryo, Phật giáo nhanh chóng trở thành một tôn giáo nhà nước. Tuy nhiên, ở Silla Phật giáo mất nhiều thời gian để phát triển hơn. Đến năm 527 thì nó mới được coi là tôn giáo nhà nước.

Shilla từng nắm quyền thống trị Bán đảo Triều Tiên vào năm 688 lập ra một nhà nước thống nhất. Phật giáo trở thành tôn giáo nhà nước và tôn tại hoà bình với Nho giáo của hệ thống chính quyền. Trong và sau giai đoạn này Phật giáo rất hưng thịnh. Chùa trên Bán đảo Triều Tiên trở thành trung tâm học tập, các nhà sư chiếm vai trò chi phối trong xã hội. Nhiều cao tăng được tôn vinh làm quốc sư hoặc vương sư, không ít vị vua lấy danh hiệu nhà Phật.

Từ cuối thời Shilla cho tới hết thời Koryo (938-1392), Phật giáo đã dần dần bị thoái hoá về mặt tinh thần. Các nhà sư trở thành những cận thần hay những nhà chính trị có thế lực và cũng tham nhũng, trần tục như những quan lại triều đình xung quanh họ. Tuy nhiên, vị trí ưu trội của Phật giáo trong xã hội vẫn tiếp tục được duy trì cho đến tận khi triều Choson xuất hiện vào năm 1392.

Dưới triều đại Choson (1392-1910), Nho giáo chiếm ưu thế rồi trở thành quốc giáo trên toàn bộ lãnh thổ đất nước. Giới tăng ni không còn được sự ủng hộ của nhà nước và không được tham dự vào đời sống chính trị

như trước đây nữa. Thậm chí, vào cuối thế kỷ XIV, triều đình đã có những biện pháp bài trừ Phật giáo làm cho số lượng các tông phái Phật giáo cũng như chùa viện bị giảm xuống đáng kể. Sư sãi được coi là đẳng cấp thấp nhất trong xã hội và thậm chí buộc phải dạt vào hành đạo ẩn dật trong núi rừng hẻo lánh. Phật giáo trở thành một tôn giáo của thầy tu và tự thu mình lại, xa lánh cả với những người dân thế tục xung quanh.

Nhật Bản chiếm Bán đảo Triều Tiên từ 1910 và muốn tăng cường sự tương đồng văn hoá giữa hai dân tộc, đã hỗn hợp các giáo phái Phật giáo của Triều Tiên và Nhật Bản. Mặc dù vậy, người ta cho rằng những cố gắng này phần lớn thất bại và càng làm tăng mối quan tâm của người dân về Phật giáo bản địa. Sự ảnh hưởng còn lại là việc truyền bá tập quán của Phật giáo Nhật Bản với quan niệm rằng nhà sư có thể lấy vợ và một số tín điều khác đã làm thay đổi Phật giáo tại nơi đây. Điều này về sau đã tạo ra sự phân hoá trong đời sống Phật giáo trên bán đảo này, thậm chí ngay hôm nay trong Phật giáo Hàn Quốc cũng tồn tại những tín điều khác nhau.

Ngày nay, Phật giáo ở Hàn Quốc có nhiều dấu hiệu đang phục hưng lại. Năm 1975 chính phủ Hàn Quốc coi ngày Phật Đản như một ngày nghỉ dân tộc được hưởng ứng trên khắp toàn quốc. Mặc dù tín điều Phật giáo luôn thể hiện tinh thần hoà bình, nhưng Phật giáo Hàn Quốc lại có liên quan chặt chẽ tới phong trào giành độc lập và các tín đồ của nó đã đấu tranh dũng cảm chống lại ách xâm lược trong giai đoạn đầu thế kỷ XX. Ngày nay Phật giáo đang đóng vai trò tích cực trong đời sống văn hoá - xã hội của Hàn Quốc.

**Kitô giáo**

Có mặt tại Bán đảo Triều Tiên từ cuối thế kỷ XVIII, ngày nay Kitô giáo đã phát triển và nhanh chóng trở thành một trong số những tôn giáo lớn nhất tại Hàn Quốc với lượng tín đồ Kitô giáo chiếm khoảng 30 % dân số. Hơn thế nữa, trong tín đồ Kitô giáo tại Hàn Quốc bao gồm nhiều nhà tri thức, nhà văn hoá và những danh nhân nên Kitô giáo có ảnh hưởng rất sâu sắc trong đời sống văn hoá của đất nước này.

Ki-tô giáo có rất nhiều tên gọi tại Hàn Quốc cũng như trên địa phận Bán đảo Triều Tiên nói chung. Nó từng được gọi là *Sohak* (Tây học), *Ch'nojuhak* (Cha Trời học), thậm chí còn bị gọi là *Sahak* (*Quý học*), *Mugunmubu chihak* (*Vô cha vô vua học*), những tín đồ của Kitô giáo từng bị gọi là *Yesujaengi* (*Những kẻ không bà con của Jesu*) hay *yesugun* (*Những gangster của Jesu*). Kitô giáo dần, dần được đề cập đến như phong trào học tập trong khi những tên gọi miệt thị thì vẫn được lưu hành, điều này cũng phản ánh sự gian nan của những nhà truyền giáo Kitô tại miền đất này trong suốt lịch sử lâu dài.

Nhà truyền giáo Kitô đầu tiên có mặt trên Bán đảo Triều Tiên từ năm 1952. Tuy nhiên, thời điểm này không được công nhận như một mốc đánh dấu sự có mặt của Kitô giáo ở nơi đây vì các nhà nghiên cứu Hàn Quốc cho rằng Gregorio de Cespedes (1525-1572)-vị cha cố người Tây Ban Nha đến xứ sở này cùng đoàn quân xâm lược từ Nhật Bản và không để lại ảnh hưởng đáng kể gì trong dân chúng ngoại trừ những tín đồ Kitô vốn có trong quân đội Nhật<sup>(2)</sup>. Khoảng năm 1770,

một người Triều Tiên tên là Chong Tu-won từ Trung Quốc trở về đã dẫn theo một nhà truyền đạo Thiên chúa có tên là Matteo Riccis Tianzhu. Năm 1783, một nhóm học giả thuộc phong trào *Đông học* (*Shihak*) đã khuyên con trai của sứ thần Triều Tiên tại Trung Quốc lúc đó là Yi Sang-hun đến thăm các nhà truyền đạo Thiên chúa tại Trung Quốc với hy vọng có thể học tập được gì đó của văn minh phương Tây. Yi đã được nghe các cha cố giảng đạo Thiên chúa và nhận lễ rửa tội tại Bắc Kinh, rồi ông trở về Triều Tiên với nhiều kinh điển của Kitô giáo. Yi và các học giả Đông học đã nghiên cứu miệt mài những tài liệu này và truyền bá cho bè bạn và những người xung quanh. Năm 1784 được coi là mốc đánh dấu sự có mặt chính thức của Thiên chúa giáo tại Bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, sự hiện diện của Thiên chúa giáo ở nơi đây lúc đầu cũng gặp không ít rắc rối. Nhiều quan lại triều đình và những nhà tri thức đã lên tiếng phản đối, cho rằng Thiên chúa giáo mâu thuẫn với truyền thống Nho giáo và có nguy cơ phá vỡ nền tảng xã hội. Đặc biệt là sang thế kỷ XIX, trước công cuộc mở cửa của Nhật Bản, triển vọng ảnh hưởng của phương Tây ở Triều Tiên là không tránh khỏi. Thực tế là từ năm 1866 đến 1871, Bán đảo Triều Tiên phải đối mặt với nguy cơ xâm lược ba thế lực hùng mạnh là Nga, Pháp và Mỹ. Trong bối cảnh đó, Thiên chúa giáo được cách nhà chức trách nhìn nhận như là đại diện của các thế lực phương Tây và sự kỳ thị đối với nó mỗi ngày một tăng lên. Nhiều cuộc đàn áp và tàn sát các tín đồ Thiên chúa giáo đã xảy ra. Chỉ riêng cuộc đàn áp năm 1886 đã có hơn 8 ngàn tín đồ tử vì đạo, chiếm đến gần một nửa số tín đồ Thiên chúa giáo lúc đó trên Bán đảo Triều Tiên<sup>(3)</sup>. Việc

<sup>(2)</sup> James Huntley Grayson, *Korea-A Religious History*, Routledge Curzon, USA, 2002, p.140.

<sup>(3)</sup> <http://www.kimsoft.com/1997/xhist.htm>

đàn áp Thiên chúa giáo chỉ thuyên giảm kể từ sau khi vua Koiong giữ quyền lực vào năm 1873, lúc mà chính quyền phải đối mặt với những thách thức mới từ nạn chia rẽ nội bộ và nguy cơ của các thế lực ngoại bang từ phương Tây và đặc biệt là từ Nhật Bản.

Đạo Tin lành đến Bán đảo Triều Tiên muộn hơn, vào năm 1884 với sự có mặt của đoàn truyền giáo đến từ Mỹ. Đó là Bộ truyền giáo Ngoại quốc của Giáo hội Trưởng lão và Hội truyền giáo ngoại quốc của Giáo hội Giám lý Tân giáo Mỹ. Hai tổ chức này đã hoạt động song hành và trong chừng mực nhất định có sự hỗ trợ lẫn nhau. Họ nhanh chóng lập trường học và các trường dạy nghề cho đàn ông, cho phụ nữ và tiến hành những nội dung giáo dục nâng cao cho những người có khả năng lãnh đạo tiềm tàng, đặc biệt là mở các bệnh viện để chữa bệnh cho nhân dân bằng kiến thức y học phương Tây, cũng vì thế nên có được uy tín rất nhanh chóng. Trong khoảng hơn mười năm đã có nhiều đoàn truyền giáo Tin lành từ các tổ chức truyền giáo khác nhau đã có mặt ở Bán đảo Triều Tiên như Giáo hội Trưởng lão (chi nhánh phương Bắc) năm 1884, Giáo hội Giám lý Tân giáo (nhánh phương Bắc) năm 1885, Giáo hội Baptist Canada năm 1889, Giáo hội Anh năm 1890, Giáo hội Trưởng lão (nhánh phương Nam) năm 1892, Giáo hội Trưởng lão Canada năm 1893, Giáo hội Giám lý Tân giáo (nhánh phương Nam) năm 1896.

Tuy có thuận lợi hơn sự thâm nhập của Thiên chúa giáo nhưng Tin lành vẫn không tránh khỏi những kỳ thị từ phía chính quyền và dân chúng trong giai đoạn đầu này. Thích ứng với tình hình đó, các nhà truyền giáo chuyển sang các hoạt động y tế, biệt là giúp cho tầng lớp người nghèo và phụ nữ. Thấu hiểu người Hàn đang rất sốt sắng với những

tri thức phương Tây nên các nhà truyền giáo đã nhanh chóng đầu tư cho công cuộc giáo dục, như mở mang trường học coi như công việc tạo điều kiện nền tảng cho việc truyền bá phúc âm về sau.

Trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Bán đảo Triều Tiên từ 1910 đến 1945, Kitô giáo cũng có những nét rất đặc biệt trong hoạt động. Lúc đầu đội quân xâm lược thực hiện chính sách thân thiện với Kitô giáo vì cho rằng tôn giáo này có lợi cho những kế hoạch chiếm đóng của họ. Tuy nhiên chính sách này đã hoàn toàn thay đổi khi chính quyền thực dân nhận ra rằng Kitô giáo chính là một lực lượng vô cùng quan trọng trong phong trào đấu tranh giành độc lập của người dân trên Bán đảo Triều Tiên. Đáng chú ý là trong phong trào đòi độc lập năm 1919, Kitô giáo đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là những tín đồ Tin lành, họ có vai trò như những người tổ chức và thủ lĩnh. Số tín đồ Kitô giáo chiếm gần một nửa số người ký vào tuyên bố đòi độc lập. Sau khi bị đàn áp, chính quyền thực dân bỏ tù hơn 20 % số người tín đồ Kitô giáo<sup>(4)</sup>, nhiều nhà thờ bị đốt cháy và các trường học do nhà thờ dựng lên buộc phải chịu sự quản lý của chính quyền thực dân với việc cấm giáo dục tôn giáo hoặc bị đóng cửa. Tuy nhiên, do bị kìm kẹp hà khắc của chế độ thực dân, nhà thờ Thiên chúa giáo đã trở nên tiêu cực và trốn tránh hiện thực, chỉ tập trung vào thực hiện lòng mộ đạo. Thực dân Nhật Bản đã cưỡng ép người Hàn đến các đền Thần đạo để tôn vinh Thiên hoàng Nhật Bản và nhiều tín đồ Thiên chúa giáo cũng tuân theo. Một số không chỉ giữ thái độ yên lặng hoặc tích cực tham gia

<sup>(4)</sup> Con số chính xác lúc này là có khoảng 2.087 tín đồ bị bỏ tù trên tổng số 9.458 tín đồ Kitô giáo

với người Nhật mà thậm chí tham gia lí luận hóa cho những nghi lễ Thần đạo.

Sau 1945, nhất là kể từ 1960 đến nay, Kitô giáo, nhất là Tin lành tại Hàn Quốc có sự phát triển rất đáng kinh ngạc. Tổ chức nhà thờ tham gia vào nhiều hoạt động xã hội để hỗ trợ về vật chất và động viên tinh thần cho tầng lớp người nghèo và những người chịu nhiều thiệt thòi trong việc hưởng lợi từ những thành tựu phát triển xã hội. Đáng lưu ý là năm 1957, số lượng tín đồ Tin lành tại Hàn Quốc khoảng 800.000 người, nhưng con số này nhanh chóng phát triển tăng lên gấp đôi qua mỗi thập kỷ sau đó, ví dụ năm 1968 đạt con số 1.873.000 và năm 1978 con số này là 5.294.000, năm 1995 là 8.760.336. Cùng nhịp phát triển với Tin lành, Thiên chúa giáo cũng có sự phát triển khá nhanh, số lượng tín đồ từ 285.000 vào năm 1957 đã tăng lên con số 751.000 vào năm 1968; từ 1.144.000 tín đồ năm 1978 lên đến 2.009.194 tín đồ năm 1986, năm 1995 con số này là 2.950.730 người<sup>(5)</sup>. Hiện nay, khoảng một phần ba dân số Hàn Quốc là tín đồ Kitô giáo. Trong đó, trên 11 triệu là tín đồ Tin lành và khoảng 3 triệu là tín đồ Thiên chúa giáo. Đánh giá về vai trò của Kitô giáo trong xã hội Hàn Quốc hiện đại, ý kiến cũng có những khác nhau. Có nhiều người đánh giá cao vai trò của Kitô giáo, nhất là của Tin lành đối với sự phát triển của Hàn Quốc, song cũng có không ít học giả cho rằng Kitô giáo Hàn Quốc vẫn chưa hòa được với bước tiến của nhân dân Hàn Quốc. Theo họ, mặc dù những dấu thánh giá có mặt khắp đất nước Hàn Quốc nhưng điều này không thực sự phản ánh quy mô việc nhà thờ Kitô giáo

cống hiến vào việc phát triển văn hóa Hàn Quốc đương đại.

Qua việc xem xét một cách khái lược ba tôn giáo chính của Hàn Quốc, chúng ta thấy đời sống tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam có nhiều điểm giống nhau. Trước hết, đó là đặc điểm đa tôn giáo, hơn nữa, các tôn giáo cùng tồn tại bên nhau một cách dung hoà. Đó còn là tín ngưỡng dân gian có tính đa thần, mang màu sắc tín ngưỡng của những cư dân có truyền thống canh tác nông nghiệp lúa nước lâu đời. Đó là những nét giống nhau trong tín ngưỡng Phật giáo và Kitô giáo. Điều đó một lần nữa cho thấy Việt Nam và Hàn Quốc là hai quốc gia có nhiều nét tương đồng về các giá trị văn hoá vốn được hình thành từ lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước trong những hoàn cảnh với nhiều đặc điểm giống nhau.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Facts about Koera*, Korea Information Scevice, 2000.
2. James Huntley Grayson, *Korea- A Religious History*, Routledge Curzon- Taylor & Francis Group, 2001.
3. Kendall, Laruel and Griffin Dix, *Religion and Ritual in Korea Society* ( Berkeley, Univ. of Califonia, Center for Korean Studies, 1987).
4. James Huntley Grayson. *Korea- A Religious History*. RoutledgeCurzon- Taylor&Francis Group, 2001.
5. Clark, Donald N. *Christianity in Mordern Korea*, Lanham, Maryland and London Univ. Press of America, 1986.
7. Shin Chang- Ho, 韓国的民族主義の立と宗教—東学, 新日仏教, 改新教(プロテスタント)の分析を通じて, 国際日本文化研究センター, 2002。

<sup>(5)</sup> James Huntley Greyson. *Korea - A Religion History*, Routledge Crurzon-Taylor & Francis Group, 2002, p.249.